

Bản án số: 05/2025/HS-ST  
Ngày: 13 – 01 – 2025

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Đức Thuận;

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Duy Tuấn

2. Bà Lý Thu Hương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Mai Loan, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Đức Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 110/2024/TLST-HS, ngày 29 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2024/QĐXXST-HS, ngày 16 tháng 12 năm 2024 bằng hình thức trực tuyến, trong đó điểm cầu trung tâm tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, 01 điểm cầu thành phần tại Trại tạm giam Công an tỉnh T đối với bị cáo:

Phạm Ngọc H, sinh năm 1998, tại tỉnh Tuyên Quang. Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Tổ F, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn H1, sinh năm 1960 và bà Vũ Thị N (đã chết); Vợ, con: Chưa có; Gia đình có 02 anh chị em, bị cáo là con thứ 02.

**- Tiền án:** Không.

**- Tiền sự:** Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 000477 ngày 26/4/2023 của Công an phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng đối với Phạm Ngọc H về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Phạm Ngọc H chưa chấp hành nộp phạt.

**- Nhân thân:** Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 001437 ngày 22/02/2014 của Công an phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang xử phạt Phạm Ngọc H 375.000 đồng về hành vi đánh người khác. Phạm Ngọc H đã nộp phạt hành chính ngày 17/3/2014.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/10/2024 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T (Có mặt).

**\* Người bào chữa cho bị cáo do Đoàn Luật sư tỉnh T cử:** Luật sư Nguyễn Đình S, Văn phòng L, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T, (Có mặt).

**\* Người làm chứng:** Anh Hồ Huy H2, sinh năm 1983. (Vắng mặt).

Trú tại: Tổ H, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

**\* Người chứng kiến:**

1. Anh Nguyễn Quang T, sinh năm 1973 (Vắng mặt)

Trú tại: Tổ 3, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

2. Anh Đặng Quang T1, sinh năm 1974 (Vắng mặt)

Trú tại: Tổ E, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên

**\* Người tham gia tố tụng khác:** Đồng chí Nguyễn Minh Q - Cán bộ dẫn giải Trại tạm giam, Công an tỉnh T. (Có mặt tại điểm cầu Trại tạm giam)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 21 giờ 15 phút ngày 01/10/2024, tại tổ B, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, Tổ công tác của Phòng cảnh sát điều tra về tội phạm ma túy – Công an tỉnh T trong khi làm nhiệm vụ đã phát hiện, bắt người phạm tội quả tang đối với Phạm Ngọc H sinh ngày 24/01/1998, nơi thường trú: Tổ F, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang về hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ của H gồm 01 túi nilon chứa các viên nén màu xanh và 02 túi nilon chứa chất tinh thể màu trắng (Niêm phong A) theo H thừa nhận là ma túy thuốc lắc và K được H cất giấu trong túi quần phía trước bên trái. Ngoài ra còn phát hiện thu giữ trong túi quần trước bên phải của H 01 chiếc điện thoại di động hiệu IPHONE và 01 chiếc hiệu MASSTEL (Niêm phong B). Kết quả kiểm tra khối lượng chất nghi ma túy thu giữ của H xác định: Số tinh thể trong 02 túi nilon có tổng khối lượng 221,45 gam, lấy 20,62 gam làm mẫu giám định (Niêm phong A1); số chất dạng viên có 100 viên, tổng khối lượng là 53,539 gam, lấy 06 viên khối lượng 3,209 gam làm mẫu giám định (Niêm phong A4); số mẫu vật còn lại lưu giữ trong các Niêm phong A2, A4 theo quy định; Kết quả kiểm tra 02 chiếc điện thoại và kết quả khám xét khẩn cấp nơi ở của H tại Tổ F, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang: không phát hiện, thu giữ được gì có liên quan.

\* Kết quả giám định: Tại Bản kết luận giám định số 1071 ngày 09/10/2024 của Phòng K1 - Công an tỉnh T đã kết luận: Mẫu chất tinh thể trong Niêm phong A1 là chất ma túy, loại Ketamine, khối lượng thu giữ ban đầu là 221,45 gam; Mẫu viên nén màu xanh trong Niêm phong A3 là chất ma túy, loại Methamphetamine, MDMA và Ketamine, khối lượng thu giữ ban đầu là 53,539 gam.

+ Giám định bổ sung: Tại bản kết luận giám định số: 7950/KL-KTHS ngày 28/10/2024 của V - Bộ C kết luận: Hàm lượng, khối lượng chất ma túy Methamphetamine, MDMA và Ketamine trong 2,820 gam mẫu ký hiệu A3 gửi giám

định là: Methamphetamine có hàm lượng 2,0%, khối lượng 0,056 gam; MDMA có hàm lượng 20,9%, khối lượng 0,589 gam; Ketamine trong mẫu rất nhỏ, dưới giới hạn định lượng của phương pháp nên không xác định được hàm lượng, khối lượng trong mẫu. Trên cơ sở kết luận giám định bổ sung xác định khối lượng các chất ma túy có trong 53,539 gam thu giữ ban đầu là: MDMA = 11,1896 gam, Methamphetamine = 1,0707 gam; Ketamine trong mẫu rất nhỏ nên không xác định được khối lượng.

Quá trình điều tra xác định hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Ngọc H được thực hiện như sau: Khoảng tháng 8 năm 2024, H liên hệ qua mạng xã hội với một người nam giới tên T2 (không rõ họ tên, địa chỉ) và mua của T2 100 viên ma túy tổng hợp dạng viên với giá 20.000.000đ, 02 gói ma túy dạng tinh thể với giá 80.000.000đ với mục đích để bán kiếm lời, số ma túy này được T2 gửi qua xe khách từ Hà Nội lên thành phố T cho H nhận và cất giấu tại nhà. Khoảng 19 giờ ngày 01/10/2024, H mang toàn bộ số ma túy trên từ nơi ở của mình sang thành phố T để bán lại cho một người tên T3 (không rõ họ tên, địa chỉ). Khi đi H đã thuê anh Hồ Huy H2 sinh năm 1983, trú tại Tổ H, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang lái xe taxi đưa H đến thành phố T, H không nói cho anh H2 biết việc H đi bán ma túy. Đến khoảng 21 giờ 15 phút, khi H đi bộ một mình và mang theo số ma túy nêu trên đến khu vực sân Bảo tàng văn hóa các dân tộc Việt Nam, thuộc tổ B, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên bán cho T3 nhưng chưa kịp bán thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an tỉnh T bắt quả tang, thu giữ toàn bộ số ma túy nêu trên.

\*Về điều kiện tài sản của bị cáo: Bị cáo không có tài sản thuộc sở hữu cá nhân.

\* Vật chứng của vụ án: Vật chứng thu giữ khi bắt quả tang gồm 02 túi nilon chứa Ketamine có khối lượng 221,45 gam, 01 túi nilon chứa 100 viên ma túy loại Methamphetamine, MDMA và Ketamine có khối lượng 53,539 gam; 01 chiếc điện thoại di động hiệu IPHONE và 01 chiếc điện thoại di động hiệu MASSTEL.

Bản cáo trạng số 135/CT-VKS, ngày 28/11/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Phạm Ngọc H về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Phản luận tội tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát sau khi trình bày tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã kết luận giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc H phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Căn cứ điểm h khoản 3, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 17 đến 18 năm tù. Phạt tiền bị cáo từ 5 triệu đến 7 triệu đồng sung quỹ nhà nước.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tịch thu tiêu hủy số ma túy và vỏ túi nilon đã thu giữ. Tịch thu sung quỹ

Nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone; Tạm giữ để đảm bảo thi hành án 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel thu giữ của bị cáo.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Trong phần tranh luận, bị cáo không tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát.

Luật sư bào chữa cho bị cáo xác định Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự là đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo nhất trí với nội dung bào chữa của Luật sư.

Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm đề nghị sau khi đối đáp với Luật sư.

Bị cáo nói lời sau cùng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên và người bào chữa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, Luật sư bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa vắng mặt người làm chứng là anh Hồ Duy H3, những người chứng kiến là anh Nguyễn Quang T và anh Đặng Quang T1, tuy nhiên những người này đã có lời khai đầy đủ tại cơ quan điều tra, việc vắng mặt tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 293, Điều 296 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục xét xử vắng mặt người làm chứng và những người chứng kiến.

[2] Căn cứ lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, kết luận giám định, lời khai của người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do hám lợi nên ngày 01/10/2024, Phạm Ngọc H mang theo người 02 túi ma túy Ketamine có khối lượng là 221,45 gam và 01 túi ma túy tổng hợp gồm 100 viên, trong đó ma túy loại MDMA có khối lượng 11,1896 gam, Methamphetamine có khối lượng 1,0707 gam từ thành phố T sang thành phố T để bán kiếm lời. Khi H mang ma túy đi đến khu vực tổ B, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên thì bị Tổ công tác của Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy –

Công an tỉnh T bắt quả tang, thu giữ toàn bộ vật chứng là số ma túy của H như nêu trên.

Với hành vi nêu trên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung điều luật quy định:

**Điều 251. Tội mua bán trái phép chất ma túy**

*“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm...;*

*3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm:*

*b, Methamphetamine, ...MDMA có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam.*

*e, Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 100 gam đến dưới 300 gam;*

*h, Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng...của các chất đó tương đương với khối lượng...chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này”.*

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm đến sự độc quyền quản lý của nhà nước về các chất ma túy, gây mất trật tự an toàn xã hội, gây hủy hoại sức khỏe của con người, làm nguy cơ gia tăng các loại tội phạm khác vì vậy cần phải được xử lý bằng pháp luật hình sự, buộc bị cáo phải cách ly xã hội để cải tạo, giáo dục bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo là người có nhân thân xấu, có 01 tiền sự, năm 2023 bị xử phạt hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, bị cáo chưa chấp hành nộp phạt; Năm 2014 bị cáo bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh người khác. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, có thái độ ăn năn, hối cải, do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Vật chứng vụ án:

- Tịch thu tiêu hủy: Số ma túy và vỏ bao mẫu gói thu giữ của bị cáo được niêm phong ký hiệu A1, A2, A4, A5 và 01 bì niêm phong của V - Bộ C ghi số 7950/KL-KTHS.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, bị cáo xác định đã dùng vào việc liên hệ để mua bán ma túy nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, bị cáo xác định không dùng để liên hệ thực hiện hành vi phạm tội nên cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội vì mục đích lợi nhuận nên cần phạt bổ sung bị cáo một khoản tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự để sung quỹ Nhà nước.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về phần hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng và án phí là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Về phần hình phạt chính, Hội đồng xét xử xét thấy quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên có căn cứ xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo dưới mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo tại phiên toà có căn cứ chấp nhận.

[8] Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định.

[9] Đối với người nam giới tên T2, T3 là những người mà Phạm Ngọc H khai có liên quan đến việc mua bán trái phép chất ma túy với mình nhưng do H không biết địa chỉ, họ tên những người này nên Cơ quan điều tra không có cơ sở điều tra, xác minh làm rõ. Đối với anh Hồ Huy H2 không liên quan đến hành vi phạm tội của Phạm Ngọc H nên không bị Cơ quan điều tra xem xét xử lý là đúng quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 326 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Ngọc H phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

2. Về hình phạt: Căn cứ điểm h khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Ngọc H 16 (mười sáu) năm 06 (sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/10/2024.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự, quyết định tạm giam bị cáo Phạm Ngọc H 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

3. Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự: Phạt bổ sung bị cáo 05 (Năm) triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

\* Tịch thu tiêu hủy gồm:

- 01 bì niêm phong ký hiệu A2 trên mép dán có chữ ký của Phạm Ngọc H, các thành phần tham gia niêm phong và hình dấu của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T. Bên ngoài ghi: 200,83 gam tinh thể màu trắng.

- 01 bì niêm phong ký hiệu A4 trên mép dán có chữ ký của Phạm Ngọc H, các thành phần tham gia niêm phong và hình dấu của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T. Bên ngoài ghi: 94 viên có khối lượng 50,33 gam.

- 01 bì niêm phong ký hiệu A5 trên mép dán có chữ ký của Phạm Ngọc H, các thành phần tham gia niêm phong và hình dấu của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T. Bên ngoài ghi: các vỏ bì và túi nilon.

- 01 bì niêm phong ký hiệu A1 trên mép dán có chữ ký của Lê Văn S1, Nguyễn Minh T4 và hình dấu của Phòng K1 - Công an tỉnh T. Bên ngoài ghi: Hoàn trả 20,421 gam mẫu sau giám định và vỏ bao gói mẫu ký hiệu A1 vụ Phạm Ngọc H, SN 1998.

- 01 bì niêm phong của V - Bộ C ghi số 7950/KL-KTHS trên mép dán có chữ ký của Lê Văn S1, Đinh Thị T5 và hình dấu của V - Bộ C bên ngoài ghi: Cơ quan CSĐT (PC04) Công an tỉnh T, bên trong có 2,585gam mẫu hoàn trả sau giám định.

\* Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone trong 01 bì niêm phong ký hiệu **B1** trên mép dán có chữ ký của Phạm Ngọc H các thành phần tham gia niêm phong và hình dấu của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T.

\* Tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel trong 01 bì niêm phong ký hiệu **B1** trên mép dán có chữ ký của Phạm Ngọc H các thành phần tham gia niêm phong và hình dấu của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T.

*Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng số 21 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên ngày 18/11/2024.*

**5. Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”*

**6. Về quyền kháng cáo:** Áp dụng các Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Cục THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Đức Thuận**